TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG NĂNG** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2019/HS - ST
Ngày: 03/5/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: **Bà Đoàn Thị Thu Trang.**
Các Hội thẩm nhân dân: **1. Ông Y BLơh MLô.**
2. Bà Nguyễn Thị Chinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Cát Cảng** - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 19/2019/HSST ngày 12/4/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2019/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 4 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: Cao Văn T; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 04/7/2000; Tại tỉnh Đ; Nơi ở trước khi phạm tội: Thôn X, xã E, huyện K, tỉnh Đ; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam: Con ông: Cao Văn H, sinh năm 1971; Con bà: Trần Thị T, sinh năm 1975; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 29/01/2019 đến nay. (Có mặt).

Người bị hại: Anh Triệu Trung N, sinh năm 1996. (Có mặt).
Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
1/ Anh La Văn T, sinh năm 1996. (Có mặt).
Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đ.
2/ Bà La Thi U, sinh năm 1974. (Có mặt).
Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đ.
3/ Bà Đinh Thị T, sinh năm 1981. (Vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn X, xã E, huyện K, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 00 ngày 23/7/2018 Cao Văn T trú tại thôn X, xã E, huyện K đến quán Internet hiệu LP ở thôn T, xã E, huyện K chơi. Lúc này T thấy gần quán Internet có tổ chức đám cưới, có để nhiều xe mô tô của khách đi đám cưới, nên T nảy sinh ý định trộm 01 chiếc xe mô tô làm phương tiện đi lại, sau đó T đi bộ lại khu vực

để xe, thấy không có người trông coi nên T lấy 01 con dao Thái Lan dài khoảng 25cm, cán bằng gỗ màu xanh của Tình mang theo trước đó, mở ổ khóa chiếc xe mô tô YaMaHa Sirius, BKS 47E1- 06791 do anh Triệu Trung N mượn của anh La Văn T để đi đám cưới, rồi nổ máy điều khiển xe chạy về nhà cô ruột của T là bà Đinh Thị T rồi cất giấu ở nhà kho phía sau. Để tránh bị phát hiện nên T đã chà mòn số khung xe và tháo 1 số bộ phận của xe mô tô trộm cắp được. Hành vi trộm cắp của T sau đó bị phát hiện.

Kết luận định giá số 71/KL-HĐĐGTS ngày 26/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Krông Năng kết luận: 01 xe mô tô hiệu YaMaHa Sirius, BKS 47E1- 06791 có giá trị vào ngày 23/7/2018 là 3.500.000 đồng.

Tại kết luận giám định số 1049/PC49 ngày 24/11/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đăk Lăk kết luận: Không xác định được số khung xe bị mài mòn, số máy xe là 5C63 -632024.

Vật chứng thu giữ trong vụ án: 01 xe mô tô hiệu YaMaHa Sirius số khung xe đã bị mòn, vỏ xe và biển số xe đã bị tháo, 01 biển số 47E1- 067910 và 02 lốp xe, 02 yếm xe, 01 gacbaga và 01 đèn sau xe. Đối với con dao Thái lan T sử dụng mở khóa xe đã làm thất lạc không thu giữ được.

Cáo trạng số 23/KSĐT-HS ngày 09/4/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng truy tố bị cáo Cao Văn T tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội "Trộm cắp tài sản" và đề xuất:

Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điển h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự tuyên phạt bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị tuyên trả 01 xe mô tô hiệu YaMaHa Sirius + các bộ phận bị tháo rời cho anh Triệu Trung N là người quản lý hợp pháp.

Về trách nhiệm dân sự: Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bị cáo và bị hại, buộc bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 5.000.000 đồng là chi phí hợp lý sửa chữa chiếc xe mô tô.

Tại phiên tòa, bị cáo không có tranh luận, bào chữa gì và nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản".

Bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Krông Năng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay cơ bản phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Xét hành vi của bị cáo Cao Văn T đã lén lút, bí mật trộm cắp chiếc xe máy của anh

Triệu Trung N để phục vụ nhu cầu sử dụng cá nhân là phạm tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS.

Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự qui định:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm."

[3] Xét tính chất hành vi phạm tội của bị cáo không những đã chiếm đoạt trái phép tài sản của bị hại mà còn gây nên những ảnh hưởng rất xấu đến an ninh trật tự tại địa phương, xâm phạm đến trật tự công cộng. Bị cáo nhận thức được rằng tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật quan tâm bảo vệ, mọi hành vi chiếm đoạt trái pháp luật đều bị trừng trị nghiêm khắc. Nhưng do ý thức coi thường pháp luật, vì động cơ vụ lợi nên ngày 23/7/2018 bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản là 01 xe máy trị giá 3.500.000 đồng của anh N. Cho nên đối với bị cáo cần thiết phải áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định. Có như vậy mới phát huy được tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và góp phần răn đe, phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiệm trọng, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn. Vì vậy bị cáo được hưởng những tình tiết giảm nhẹ quy định tại h, i, s khoản 1 Điều 51 BLHS.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường 5.000.000 đồng là chi phí sửa chữa chiếc xe mô tô mà bị cáo đã chiếm đoạt. HĐXX xét thấy việc yêu cầu của anh N là chính đáng và bị cáo cũng đồng ý mức bồi thường mà anh N yêu cầu nên cần buộc bị cáo phải bồi thường 5.000.000 đồng cho anh N.

[6] Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 2, Điều 47, khoản 1, khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tuyên trả lại 01 xe mô tô hiệu YaMaHa Sirius + các bộ phận bị tháo rời cho anh Triệu Trung N.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Cao Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Xử phạt bị cáo Cao Văn T 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

3. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 BLHS buộc bị cáo Cao Văn T phải bồi thường cho anh Triệu Trung N số tiền 5.000.000 đồng.

Áp dụng Điều 357 BLDS để tính lãi suất chậm thực thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 BLTTHS: Tuyên trả lại 01 xe mô tô hiệu YaMaHa Sirius số khung xe, số máy đã bị mòn, vỏ xe và biển số xe đã bị tháo,

01 biển số 47E1- 067.91, 02 lốp xe, 02 yếm xe, 01 gacbaga và 01 đèn sau xe cho anh Triệu Trung N là người quản lý tài sản hợp pháp.

(Đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 10/4/2019 giữa Công an huyện Krông Năng và Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Năng)

5. Về án phí: Áp dụng Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015; điểm a, c khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Cao Văn T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí HSST và 300.000 đồng án phí DSST

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Đắk Lắk;*
- *TAND tỉnh Đắk Lắk;*
- *Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND huyện Krông Năng;*
- *Công an huyện Krông Năng;*
- *THADS huyện Krông Năng;*
- *Bị cáo;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HSVA, VPCQ.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thị Thu Trang